

Số: 102/2020/QĐST-HNGĐ

Q, ngày 16 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 102/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” giữa:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị D, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn HT, xã H, huyện H, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Xóm Đ, xã L, thị xã Q, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tạ Thị D và anh Nguyễn Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Tạ Thị D và anh Nguyễn Văn N có 01 con chung là Nguyễn Duy A, sinh ngày 10/12/2017. Ly hôn, chị D và anh N thoả thuận giao con chung là Nguyễn Duy A, sinh ngày 10/12/2017 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/1 tháng, tính từ tháng 07/2020 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà

không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, công nợ: Chị Tạ Thị D và anh Nguyễn Văn N thỏa thuận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Tạ Thị D tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), gồm: 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị D đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001794 ngày 08/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Q. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TX Q ;
- Chi cục THADS TX Q ;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga